

# CÔNG TY TNHH MTV THIẾT KẾ VÀ THI CÔNG NỘI THẤT FAMILY

## CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

### 1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MTV THIẾT KẾ VÀ THI CÔNG NỘI THẤT FAMILY

Tên công ty viết bằng tiếng Anh:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 1301092045

**3. Ngày thành lập:** 22/05/2020

### 4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 38, L. Th. ng Ki. t, Ph. ng An H. i, Thành ph. B. n Tre, T. nh B. n Tre, Vi. t Nam

Điện thoại: 0902334992

Fax:

Email:

Website:

### 5. Ngành, nghề kinh doanh:

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                 | Mã ngành                                                     |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 1.  | Ho. t. ng thi. t. k. chuy. n. d. ng<br>Chi. ti. t.: Ho. t. ng trang. tr. n. i. th. t.                                                                                                                                     | 7410(Chính)                                                  |
| 2.  | Hoàn. thi. n. c. ng. tr. nh. x. y. d. ng                                                                                                                                                                                  | 4330                                                         |
| 3.  | B. n. bu. n. d. ng. kh. c. cho. gia. nh<br>Chi. ti. t.: B. n. bu. n. gi. ng, t., bàn, gh. và. d. ng. n. i. th. t.<br>t. ng. t.                                                                                            | 4649                                                         |
| 4.  | S. n. xu. t. gi. ng, t., bàn, gh.<br>Chi. ti. t.: S. n. xu. t. gi. ng, t., bàn, gh. b. ng. v. t. li. u. kh. c.                                                                                                            | 3100                                                         |
| 5.  | S. n. xu. t. g. d. n, g. l. ng, v. n. p. và. v. n. m. ng. kh. c.                                                                                                                                                          | 1621                                                         |
| 6.  | S. n. xu. t. g. x. y. d. ng                                                                                                                                                                                               | 1622                                                         |
| 7.  | C. a, x., bào. g. và. b. o. qu. ng.                                                                                                                                                                                       | 1610                                                         |
| 8.  | S. n. xu. t. s. n. ph. m. kh. c. t. g.; s. n. xu. t. s. n. ph. m. t. tre, n. a,<br>r. m, r. và. v. t. li. u. t. t. b. n.                                                                                                  | 1629                                                         |
| 9.  | B. n. l. i. n. gia. d. ng, gi. ng, t., bàn, gh. và. n. i. th. t.<br>t. ng. t., èn. và. b. èn. i. n, d. ng. gia. nh. kh. c. ch. a. c.<br>ph. n. vào. u. trong. c. c. c. a. hàng. chuy. n. doanh.                           | 4759                                                         |
| 10. | Gia. c. ng. c. kh.; x. l. và. tr. ng. ph. kim. lo. i.<br>Chi. ti. t.: Gia. c. ng. c. c. s. n. ph. m. b. ng. s. t, th. p, nh. m, inox.                                                                                     | 2592                                                         |
| 11. | Ho. t. ng. ki. n. tr. c. và. t. v. n. k. thu. t. c. li. n. quan.                                                                                                                                                          | 7110                                                         |
| 12. | Ghi. ch.: Doanh. nghi. p. ph. i. th. c. hi. n. ng. c. c. quy. nh. c. a.<br>ph. p. lu. t. v. t. ai, x. y. d. ng, b. o. v. m. i. tr. ng. và. i. u. ki. n.<br>kinh. doanh. i. v. i. ngành. ngh. kinh. doanh. c. i. u. ki. n. | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 500.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

H và t n:

Gi i t nh:

Sinh ngày:

D n t c: Qu c t ch:

Lo i gi y t ch ng th c c nh n:

S gi y ch ng th c c nh n:

Ngày c p:

N i c p:

N i ng k h kh u th ng tr :

Ch hi n t i:

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* H và t n: V CH TH NH

Gi i t nh: Nam

Ch c danh: Giám đốc

Sinh ngày: 29/10/1991

D n t c: Kinh

Qu c t ch: Việt Nam

Lo i gi y t ch ng th c c nh n: Chứng minh nhân dân

S gi y ch ng th c c nh n: 321428178

Ngày c p: 26/02/2018

N i c p: Công an Bến Tre

N i ng k h kh u th ng tr : Số 9/69 hẻm 9, đường Ngô Quyền, Phường An Hội, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Ch hi n t i: Số 9/69 hẻm 9, đường Ngô Quyền, Phường An Hội, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

## 9. Nơi đăng ký: Phòng ng k kinh doanh T nh B n Tre